

VAI TRÒ CỦA NGŨ CẢNH TRONG DẠY VÀ HỌC THÀNH NGŨ TIẾNG VIỆT CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI QUA CÁCH TIẾP CẬN NGÔN NGỮ TRI NHẬN

NGUYỄN THỊ BÍCH HẰNG^(*)

Tóm tắt: Trong nghiên cứu này, chúng tôi tập trung vào việc dạy và học thành ngữ tiếng Việt đối với nước ngoài qua lăng kính ngôn ngữ tri nhận. Phân tích mối quan hệ giữa ngôn ngữ, tư duy, và văn hóa trong quá trình giáo dục ngôn ngữ, nghiên cứu nhấn mạnh tầm quan trọng của ngữ cảnh văn hóa cụ thể trong việc học thành ngữ. Kết quả từ nghiên cứu không chỉ làm sáng tỏ sự cần thiết của việc tích hợp ngữ cảnh vào chương trình giảng dạy mà còn đề xuất việc tích hợp sâu rộng kiến thức văn hóa và nhận thức vào quá trình dạy và học tiếng Việt. Khuyến khích một cách tiếp cận toàn diện hơn trong giáo dục ngôn ngữ, mở ra hướng nghiên cứu mới về mối quan hệ giữa ngôn ngữ, tư duy, và văn hóa.

Từ khóa: Ngôn ngữ học tri nhận; thành ngữ tiếng Việt; ngữ cảnh văn hóa; giáo dục ngôn ngữ; học tập xuyên văn hóa.

Abstract: In this study, we focus on teaching and learning Vietnamese idioms for foreigners through the lens of cognitive linguistics. Analyzing the relationship between language, thinking, and culture in language education process, the study emphasizes the importance of specific cultural contexts in learning idioms. The results of the survey not only shed light on the necessity of integrating context into the teaching curriculum but also suggest a deeper integration of cultural knowledge and cognition into the Vietnamese language learning process. Encouraging a more comprehensive approach in language education opens up new avenues of research into the relationship between language, thinking, and culture.

Keywords: Cognitive linguistics; Vietnamese idioms; cultural context; language education; cross-cultural learning.

Ngày nhận bài: 10/12/2023; Ngày sửa bài: 05/01/2024; Ngày duyệt đăng bài: 27/02/2024.

1. Giới thiệu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và mối quan hệ giữa Việt Nam và cộng đồng quốc tế ngày càng phát triển, nhu cầu giáo dục tiếng Việt cho người nước ngoài tăng cao. Thành ngữ là phần không thể thiếu trong ngôn ngữ, nhưng việc giảng dạy và học thành ngữ tiếng Việt cho người nước ngoài gặp nhiều khó khăn. Ngôn ngữ tri nhận cung cấp khung lý thuyết mạnh mẽ, nhưng áp dụng vào giáo dục thành ngữ tiếng Việt vẫn chưa triệt để. Mục tiêu của nghiên cứu là khảo sát ảnh hưởng của ngữ cảnh đến quá trình nhận thức và sử dụng thành ngữ

tiếng Việt, nhằm phát triển phương pháp giảng dạy mới. Nghiên cứu này hy vọng cải thiện chất lượng giáo dục ngôn ngữ, hỗ trợ giáo viên và học viên tiếp cận và sử dụng thành ngữ tiếng Việt một cách hiệu quả hơn, đồng thời đóng góp vào sự hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau giữa các nền văn hóa.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Các ngữ cảnh phổ biến trong dạy thành ngữ tiếng Việt

Việc dạy thành ngữ tiếng Việt cho người nước ngoài thường tập trung vào kết hợp giữa học ngôn ngữ và hiểu biết văn hóa. Các tình huống giao tiếp hàng ngày như

^(*) ThS., Trường Đại học Hà Nội; Email: bichhangohr@gmail.com

tại chợ, trong gia đình, hoặc khi tham gia các hoạt động xã hội, được sử dụng làm bối cảnh chính để giảng dạy. Ngoài ra, văn hóa dân gian, như câu chuyện cổ tích và ca dao, cũng rất quan trọng vì chúng giúp người học tiếp cận với giá trị văn hóa và bản sắc dân tộc. Trong các tình huống xã hội, việc dạy và học thành ngữ cũng rèn luyện kỹ năng giao tiếp và giúp người học thấu hiểu và tương tác xã hội.

Khi thiết kế chương trình dạy thành ngữ tiếng Việt cho người nước ngoài, việc lựa chọn ngữ cảnh phù hợp giúp họ nắm được cách sử dụng các thành ngữ chính xác và hiểu biết văn hóa. Các giáo viên thường sử dụng các phương tiện đa phương tiện để minh họa các ngữ cảnh, giúp việc học trở nên sinh động và dễ tiếp thu. Điều này giúp người học gắn kết kiến thức ngôn ngữ với trải nghiệm sống động, từ đó nâng cao khả năng giao tiếp và hiểu biết văn hóa khi sử dụng tiếng Việt.

2.2. Vai trò của ngữ cảnh trong việc giảng dạy và học thành ngữ tiếng Việt

Ngữ cảnh là yếu tố quan trọng trong giảng dạy và học thành ngữ tiếng Việt, đặc biệt là đối với người nước ngoài¹. Nó giúp họ hiểu cách sử dụng thành ngữ chính xác trong từng tình huống giao tiếp cụ thể và mở ra cánh cửa hiểu biết về văn hóa, tâm lý và xã hội Việt Nam. Việc này tăng cường kỹ năng giao tiếp, nâng cao khả năng tương tác xã hội và tối ưu hóa quá trình học tập². Hơn nữa, ngữ cảnh kích thích sự tò mò và khám phá của học viên về ngôn ngữ và

văn hóa Việt Nam, đồng thời hỗ trợ việc áp dụng các phương pháp học tập đa dạng. Tóm lại, ngữ cảnh đóng vai trò không thể thiếu trong việc học và giảng dạy thành ngữ tiếng Việt, giúp người nước ngoài không chỉ thành thạo ngôn ngữ mà còn hiểu sâu sắc và trân trọng văn hóa Việt Nam.

2.3. Cách tiếp cận ngôn ngữ tri nhận trong dạy thành ngữ tiếng Việt cho người nước ngoài

2.3.1. Quan điểm tiếp cận

Trong góc độ ngôn ngữ tri nhận áp dụng vào việc dạy thành ngữ tiếng Việt cho người nước ngoài, có một sự chuyển hướng rõ rệt so với cách tiếp cận truyền thống. Theo Boers, cách tiếp cận truyền thống thường xem thành ngữ như những phần tử độc lập, yêu cầu người học ghi nhớ mà không cung cấp một hệ thống phân loại hay giải thích cụ thể³. Tuy nhiên, từ quan điểm của ngôn ngữ tri nhận, ngôn ngữ - bao gồm cả thành ngữ - được xem là hình tượng, với các biểu thức không phải là ngẫu nhiên mà chúng tuân theo các nguyên tắc ẩn dụ ý niệm do Lakoff và Johnson (1980) đề xuất. Ẩn dụ ý niệm liên quan đến việc hiểu một khái niệm qua một khái niệm khác, thường là từ một khái niệm cụ thể hơn sang một khái niệm trừu tượng hơn⁴.

Các nhà nghiên cứu ngôn ngữ tri nhận nhấn mạnh rằng ẩn dụ ý niệm là một ánh xạ giữa các miền, giúp liên kết các thực thể của miền nguồn với những thực thể trong miền đích, qua đó làm sáng tỏ mối quan hệ

¹ Boers, F., "Cognitive linguistic approaches to teaching vocabulary: Assessment and integration", *Language Teaching*, 46(2)/2013, p.208-224.

² Boers, F., "Cognitive linguistic approaches to teaching vocabulary: Assessment and integration", *Language Teaching*, 46(2)/2013, p.208-224.

³ Boers, F., "Cognitive linguistic approaches to teaching vocabulary: Assessment and integration", *Language Teaching*, 46(2)/2013, p.208-224.

⁴ Lakoff, G., & Johnson, M., "The metaphorical structure of the human conceptual system", *Cognitive science*, 4(2)/1980, p.195-208.

hình tượng giữa chúng⁵. Phương pháp này tạo điều kiện cho việc hiểu, nhớ và sử dụng thành ngữ một cách hiệu quả hơn, như đã được chứng minh qua nhiều nghiên cứu⁶. Do đó, việc áp dụng ngôn ngữ tri nhận vào giảng dạy không chỉ giúp người học tiếp cận thành ngữ một cách có hệ thống mà còn thúc đẩy sự hiểu biết sâu sắc về ngôn ngữ và văn hóa tiếng Việt, qua đó nâng cao khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ một cách linh hoạt và hiệu quả...

2.3.2. Nguyên tắc thiết kế bài giảng

Trong quá trình thiết kế bài giảng về thành ngữ tiếng Việt cho người nước ngoài, việc áp dụng một loạt nguyên tắc cụ thể không chỉ giúp tăng cường hiệu quả giảng dạy mà còn nâng cao khả năng tiếp thu của người học. Dưới đây là các hướng dẫn chi tiết được tối ưu hóa để đạt được mục tiêu này:

Hiểu biết sâu sắc về văn hóa và bối cảnh: Giới thiệu và giải thích văn hóa đằng sau mỗi thành ngữ giúp người học hiểu rõ hơn về cách sử dụng chúng trong giao tiếp hàng ngày. Giáo viên cần cung cấp bối cảnh cụ thể, như nguồn gốc và tình huống sử dụng.

Ứng dụng lý thuyết ngôn ngữ tri nhận: Sử dụng ẩn dụ ý niệm để kết nối ý nghĩa của thành ngữ với các khái niệm và kinh nghiệm quen thuộc, giúp người học dễ hiểu và nhớ lâu hơn.

Tiếp cận có hệ thống trong phân loại: Phân loại thành ngữ theo chủ đề, tình huống sử dụng, hoặc cấu trúc ngữ pháp để tạo điều kiện học một cách có tổ chức và mục tiêu.

Sử dụng ví dụ minh họa và tình huống thực tế: Cung cấp các ví dụ cụ thể và tình

huống giao tiếp để giúp người học hiểu cách áp dụng thành ngữ trong đời sống hàng ngày.

Tăng cường tương tác và thực hành: Sử dụng các hoạt động như thảo luận nhóm và trò chơi ngôn ngữ để tăng cường kỹ năng giao tiếp và sử dụng thành ngữ.

So sánh và kết nối đa ngôn ngữ và đa văn hóa: Khuyến khích người học so sánh thành ngữ tiếng Việt với ngôn ngữ và văn hóa của họ để mở rộng hiểu biết và tăng cường khả năng áp dụng thành ngữ.

Tích hợp công nghệ vào giảng dạy: Sử dụng công cụ và ứng dụng công nghệ để tạo điều kiện học tập linh hoạt và tương tác cho người học.

Phản hồi và đánh giá: Cung cấp phản hồi kịp thời và đánh giá tiến trình của người học để giúp họ nhận biết và cải thiện kỹ năng sử dụng thành ngữ.

2.3.3. Thực hành giảng dạy

Trong dạy thành ngữ, áp dụng phương pháp quy nạp có nhiều lợi thế vì nó khuyến khích người dạy sử dụng tư duy sáng tạo để xây dựng kiến thức. Phương pháp này thúc đẩy việc học thông qua quá trình tự nhiên và tương tác với thế giới xung quanh. Khi người học tự tìm hiểu và xây dựng kiến thức, họ thường nhớ lâu hơn và hiểu sâu hơn về chủ đề. Phương pháp quy nạp cũng giúp người học phát triển kỹ năng tư duy logic và suy luận.

Hoạt động 1: Khởi động (đoán chủ đề của bài học): Trong hoạt động khởi động, người dạy sử dụng chín bức tranh do AI tạo ra để khơi dậy sự hứng thú của người học đối với chủ đề. Sau đó, người học được yêu cầu xem tranh, đoán chủ đề của bài

⁵ Doughty, C. J., "Cognitive language aptitude", *Language learning*, 69/2019, p.101-126.

⁶ Lakoff, G., & Johnson, M., "The metaphorical structure of the human conceptual system", *Cognitive science*, 4(2)/198), p.195-208.

học, và chia sẻ về một trải nghiệm cực kỳ vui hoặc không vui (Hình 1). Hoạt động này nhằm mục đích thu hút sự quan tâm

của người học, tăng cường năng lượng và khám phá ngôn ngữ mục tiêu sẽ được dạy sau này..



Hình 1. Hình ảnh thể hiện cảm giá vui vẻ và buồn bã (Nguồn: Bing AI)

Hoạt động 2: Phân nhóm thảo luận: Các bài tập được giao cho người học bao gồm việc đọc và sử dụng các thành ngữ trong các ngữ cảnh cụ thể. Sau đó, người học thảo luận với bạn cùng lớp và phân loại các thành ngữ theo danh mục đã cho. Người dạy sau đó cung cấp gợi ý và giải thích khi cần thiết. Đồng thời, người học được yêu cầu áp dụng các thành ngữ cho chín bức tranh trên bảng để tăng cường khả năng ghi nhớ và hiểu biết của họ. Nhiệm vụ này không chỉ khuyến khích người học đoán nghĩa từ ngữ cảnh mà còn giúp họ hiểu và ghi nhớ tốt hơn.

Hoạt động 3: Khám phá động cơ ẩn dụ ý niệm: Để giúp người học hiểu về ẩn dụ ý niệm, người dạy có thể phân tích các ví dụ thể hiện trải nghiệm con người, như cảm giác vui là lên và buồn là xuống. Người học được yêu cầu quan sát chín bức tranh trên bảng để nhận biết sự khác biệt giữa tư thế và biểu hiện mặt của người vui và người buồn, từ đó khám phá mối liên kết với các ẩn dụ ý niệm. Những ẩn dụ này có thể được suy luận bằng cách xem xét tư thế và nét mặt của nhân vật trong tranh. Ví dụ, tư thế đứng thẳng thường đi kèm với trạng thái thể chất tích cực và nụ cười, trong khi tư

thế cúi xuống thường liên quan đến trạng thái cảm xúc tiêu cực và khóe miệng hạ xuống.

Hành động 4: Khám phá biểu đồ tri nhận. Giảng viên giải thích biểu đồ của ngôn ngữ tri nhận, các cấu trúc cơ bản giữa miền nguồn và miền đích (Chen & Lai, 2013). Ví dụ như các thành ngữ thuộc nhóm vui, buồn như đã đề cập, người dạy giải thích cho người học về các ánh xạ từ miền nguồn qua miền đích và giải thích ý nghĩa. Sau đó, hướng dẫn người học cách khám phá các ánh xạ ẩn dụ của ẩn dụ ý niệm làm cơ sở cho thành ngữ đích.

Hành động 5: Khám phá các biến thể văn hóa trong thành ngữ. Người dạy có thể yêu cầu người học làm việc theo cặp và 'kể lại' câu chuyện về một trải nghiệm vô cùng vui hoặc buồn ở quê hương hoặc ở Việt Nam, so sánh sự tương đồng và khác biệt giữa chúng để các biến thể văn hóa trong thành ngữ ở các quốc gia khác nhau.

3. Phương pháp và mô hình ước lượng

3.1. Tham gia nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện tại các trường đại học ở Hà Nội năm 2022 và 2023.

Tham gia nghiên cứu là 200 sinh viên đang học tiếng Việt tại Đại học Hà Nội, Đại học Sư phạm Hà Nội và Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội. Phương pháp chọn mẫu có chủ đích được áp dụng để lựa chọn đối tượng nghiên cứu. Việc lựa chọn đối tượng nghiên cứu được tuân thủ

nguyên tắc tự nguyện tham gia. Việc thu thập dữ liệu nghiên cứu ngay sau khi đối tượng khảo sát tham gia các lớp học thành ngữ tiếng Việt qua cách tiếp cận tri nhận. Thông tin về đối tượng nghiên cứu được mô tả trong bảng 2.

Bảng 2. Thông tin đối tượng nghiên cứu

		Tuổi							
		20 tuổi		21 tuổi		22 tuổi		Trên 22 tuổi	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Giới tính	Nữ	9	15.0%	11	18.3%	30	50.0%	10	16.7%
	Nam	4	10.0%	8	20.0%	21	52.5%	7	17.5%
Quốc gia	Australia	2	22.2%	2	22.2%	4	44.4%	1	11.1%
	Cambodia	1	5.3%	5	26.3%	9	47.4%	4	21.1%
	Trung Quốc	5	16.1%	3	9.7%	18	58.1%	5	16.1%
	Lào	3	25.0%	2	16.7%	4	33.3%	3	25.0%
	Nga	0	0.0%	2	16.7%	8	66.7%	2	16.7%
	Hàn Quốc	2	11.8%	5	29.4%	8	47.1%	2	11.8%
Thời gian học tiếng Việt	1-2 năm	2	10.5%	2	10.5%	11	57.9%	4	21.1%
	2- 3 năm	7	16.3%	7	16.3%	19	44.2%	10	23.3%
	Ít hơn 1 năm	2	11.8%	5	29.4%	9	52.9%	1	5.9%
	Nhiều hơn 3 năm	2	9.5%	5	23.8%	12	57.1%	2	9.5%

3.2. Bảng hỏi và các biến số ước lượng

Bảng câu hỏi được xây dựng dựa trên kết quả tổng quan nghiên cứu và ý kiến của các chuyên gia, gồm 2 phần. Phần 1 được sử dụng để thu thập thông tin nhân khẩu học của những người tham gia nghiên cứu về độ tuổi, giới tính và quốc gia. Phần 2 thu thập thông tin về vai trò của ngữ cảnh trong dạy và học thành ngữ tiếng Việt cho người nước ngoài qua cách tiếp cận ngôn ngữ tri nhận qua các biến độc lập: *Thứ nhất*, tăng cường hiểu biết văn hóa; *Thứ hai*, phát triển kỹ

năng giao tiếp; *Thứ ba*, nâng cao khả năng tương tác xã hội; *Thứ tư*, tối ưu hóa quá trình học tập; *Thứ năm*, khơi gợi sự tò mò và khám phá; *Thứ sáu*, hỗ trợ phương pháp học tập đa dạng. Biến phụ thuộc là kết quả học thành ngữ tiếng Việt. Trên cơ sở lý thuyết về vai trò của ngữ cảnh trong việc giảng dạy và học thành ngữ tiếng Việt, các giả thuyết sau đây được đề xuất:

Giả thuyết 1. Kết quả học thành ngữ tiếng Việt chịu tác động tích cực và ý nghĩa từ tăng cường hiểu biết văn hóa Việt Nam;

Giả thuyết 2. Kết quả học thành ngữ tiếng Việt chịu tác động tích cực và ý nghĩa từ phát triển kỹ năng giao tiếp;

Giả thuyết 3. Kết quả học thành ngữ tiếng Việt chịu tác động tích cực và ý nghĩa từ nâng cao khả năng tương tác xã hội;

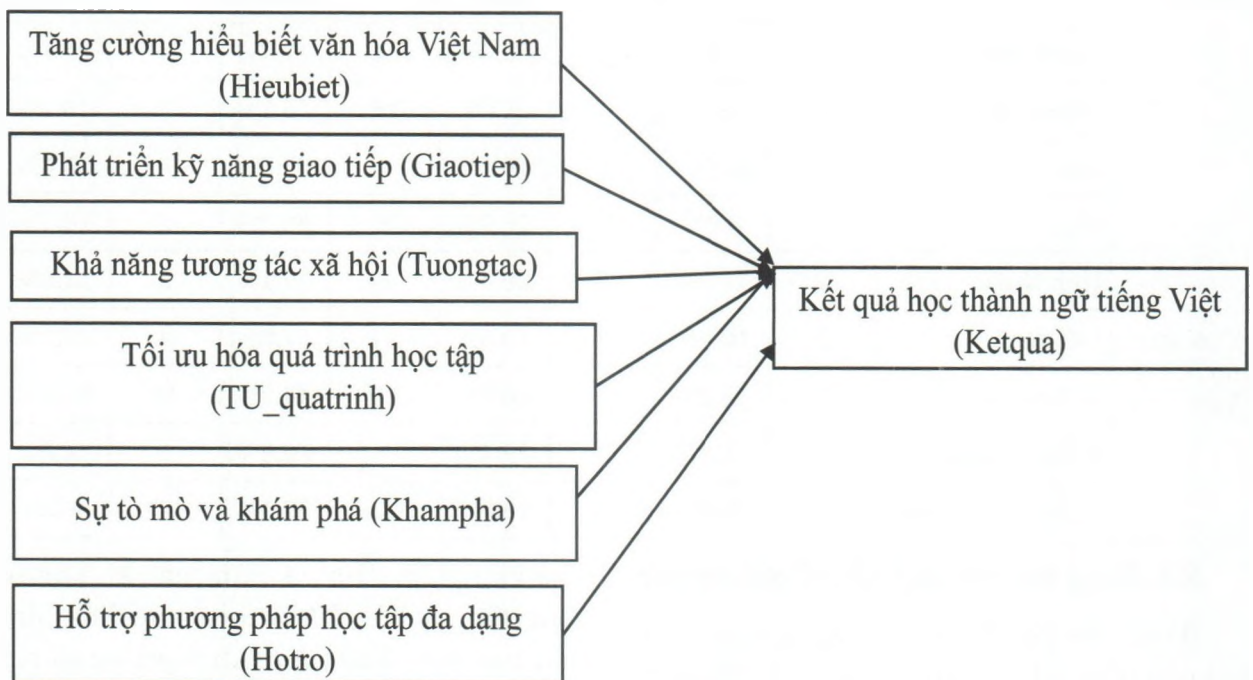
Giả thuyết 4. Kết quả học thành ngữ tiếng Việt chịu tác động tích cực và ý nghĩa từ việc tối ưu hóa quá trình học tập;

Giả thuyết 5. Kết quả học thành ngữ tiếng Việt chịu tác động tích cực và ý nghĩa từ sự khơi gợi sự tò mò và khám phá;

Giả thuyết 6. Kết quả học thành ngữ tiếng Việt chịu tác động tích cực và ý nghĩa từ sự hỗ trợ phương pháp học tập đa dạng.

3.3. Mô hình ước lượng

Để đánh giá sâu sắc các giả thuyết nêu trong bài báo áp dụng mô hình hồi quy tuyến tính đa biến là phương pháp nghiên cứu phù hợp. Phương pháp này sẽ được sử dụng để đánh giá mối quan hệ giữa các biến độc lập và biến phụ thuộc. Mỗi giả thuyết được kiểm tra thông qua mô hình hồi quy không chỉ cung cấp cái nhìn sâu sắc về các yếu tố ảnh hưởng đến việc học thành ngữ tiếng Việt mà còn có cơ sở để phát triển các chiến lược dạy tiếng Việt tốt hơn. Mô hình nghiên cứu được thể hiện trong hình 1 dưới đây:



Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Kết quả nghiên cứu

Sau dữ liệu được thu thập đầy đủ, để có cơ sở phân tích hồi quy tuyến tính đa biến, nó được trải qua một quá trình phân tích độ tin cậy (cronbach alphas) để loại bỏ

những quan sát bị lỗi, phân tích nhân tố khám phá để xác định sự hội tụ và tách biến của các quan sát, phân tích tương quan để xác định hệ số tương quan hợp lệ trước khi phân tích hồi quy tuyến tính đa biến. Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính đa biến chi tiết trong bảng 2.

Bảng 2. Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính đa biến

Biến phụ thuộc:	
Ketqua	
Mô hình	
Hieubiet	0.142** (0.064)
Giaotiep	0.141** (0.063)
Tuongtac	0.232*** (0.063)
TU_quyrinh	0.138** (0.068)
Khampha	0.116* (0.067)
Hotro	0.166* (0.058)
Constant	0.700*** (0.212)
Observations	200
R2	0.409
Adjusted R2	0.394
Residual Std. Error	0.598 (df = 194)
F Statistic	26.865*** (df = 5, 194)
VIF:	Hieubiet =1.50, Giaotiep =1.55, Tuongtac =1.65, TU_quyrinh =1.573, Khampha =1.55, Hotro =1.54
Note: *p<0.1; **p<0.05; ***p<0.01	

Kết quả phân tích (Bảng 2) cho thấy rằng, việc tăng cường hiểu biết về văn hóa Việt Nam có một tác động tích cực đáng kể lên kết quả học thành ngữ tiếng Việt, với hệ số hồi quy $\beta = 0.142$. Điều này có nghĩa là, mỗi đơn vị tăng cường trong hiểu biết văn hóa Việt Nam dẫn đến một sự cải thiện nhỏ nhưng có ý nghĩa trong kết quả học thành ngữ. Giá trị p-value là 0.001, dưới mức độ tin cậy 95%, chỉ ra rằng mối quan hệ này rất đáng tin cậy. Như vậy, giả thuyết 1 được chấp nhận.

Kết quả phân tích cũng chỉ ra mối quan hệ tích cực giữa việc phát triển kỹ năng giao tiếp và kết quả học thành ngữ, với hệ số hồi quy $\beta = 0.141$. Điều này cho thấy việc cải thiện kỹ năng giao tiếp cũng góp phần nâng cao khả năng học và sử dụng thành ngữ tiếng Việt một cách hiệu quả. Mức độ tin cậy 95% và p-value = 0.001 củng cố thêm tính xác thực của kết quả này, từ đó chấp nhận giả thuyết 2. Tác động của việc nâng cao khả năng tương tác xã hội đối với kết quả học thành ngữ tiếng Việt được chứng minh là rất mạnh mẽ, với hệ số hồi

quy $\beta = 0.232$. Đây là một trong những yếu tố có ảnh hưởng lớn nhất theo nghiên cứu, với mức độ tin cậy 95% và p-value là 0.000, chỉ ra một mối quan hệ rất đáng kể. Vì vậy, giả thuyết 3 được chấp nhận.

Việc tối ưu hóa quá trình học tập cũng cho thấy một tác động tích cực đến việc học thành ngữ, với hệ số hồi quy là $\beta = 0.138$. Điều này cho thấy rằng cải thiện phương pháp học tập và tối ưu hóa quá trình học có thể góp phần cải thiện kết quả học thành ngữ. Với p-value là 0.001, mức độ tin cậy 95% được đảm bảo, giúp chấp nhận giả thuyết 4.

Kết quả phân tích cũng chứng minh rằng sự khơi gợi sự tò mò và khám phá có tác động tích cực lên kết quả học thành ngữ tiếng Việt, với hệ số hồi quy $\beta = 0.116$. Mặc dù tác động này nhỏ hơn so với các yếu tố khác, nhưng vẫn có ý nghĩa thống kê với p-value là 0.001. Do đó, giả thuyết 5 được chấp nhận.

Cuối cùng, việc hỗ trợ phương pháp học tập đa dạng được chứng minh là có tác động tích cực mạnh mẽ, với hệ số hồi quy

$\beta = 0.166$. Điều này cho thấy sự đa dạng trong phương pháp học tập là một yếu tố quan trọng trong việc cải thiện kết quả học thành ngữ. P-value là 0.001, trong mức độ tin cậy 95%, củng cố thêm tính chính xác của kết quả này và chấp nhận giả thuyết 6.

Như vậy, kết quả từ phân tích hồi quy tuyến tính đa biến cho thấy rằng tất cả các yếu tố được nghiên cứu đều có tác động tích cực và ý nghĩa đến việc học thành ngữ tiếng Việt, từ đó chứng minh sự hợp lệ của các giả thuyết đặt ra trong nghiên cứu.

4.2. Thảo luận

Nghiên cứu này đã phát hiện rằng ngữ cảnh đóng vai trò quan trọng trong quá trình học thành ngữ tiếng Việt cho người nước ngoài. Việc hiểu về văn hóa Việt Nam, phát triển kỹ năng giao tiếp, tăng cường tương tác xã hội và sử dụng các phương pháp học tập đa dạng đều có tác động tích cực lên kết quả học. Kết quả nghiên cứu nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tích hợp ngữ cảnh và ngôn ngữ tri nhận vào quá trình dạy và học⁷. Điều này giúp học viên hiểu sâu hơn về ngôn ngữ, văn hóa và xã hội Việt Nam, đồng thời tăng cường khả năng giao tiếp và tương tác xã hội trong môi trường mới.

Kết quả nghiên cứu này cũng nhấn mạnh sự cần thiết của việc thiết kế các chương trình giáo dục ngôn ngữ dựa trên ngôn ngữ tri nhận, với sự tích hợp của ngữ cảnh. Điều này giúp người học nắm bắt cách sử dụng ngôn ngữ một cách tự nhiên và hiểu được văn hóa và xã hội đằng sau ngôn ngữ đó. Mặc dù nghiên cứu cung cấp những hiểu biết quý giá, nhưng cũng có những hạn chế như tập trung vào một nhóm người học cụ thể và một loại ngôn ngữ, và thiếu so sánh đối chứng giữa các phương pháp dạy học khác nhau. Tuy nhiên, các phát hiện từ nghiên cứu mở ra hướng mới cho việc thiết kế chương trình giảng dạy ngôn ngữ

và cung cấp cơ sở cho lĩnh vực ngôn ngữ học ứng dụng và giáo dục ngôn ngữ.

5. Kết luận

Nghiên cứu đã chỉ ra rằng hiểu và sử dụng thành ngữ tiếng Việt cần kiến thức về ngôn từ và nhận thức sâu sắc về ngữ cảnh văn hóa. Chương trình giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài nên tập trung vào giải thích và thực hành sử dụng thành ngữ trong các ngữ cảnh cụ thể, nhấn mạnh sự liên kết giữa ngôn ngữ, tư duy và văn hóa. Nghiên cứu cũng đề xuất mở rộng việc tìm hiểu về vai trò của ngữ cảnh trong dạy và học thành ngữ, không chỉ ở người nước ngoài mà còn ở các nhóm người học khác. Việc này có thể bao gồm nghiên cứu về ảnh hưởng của ngữ cảnh văn hóa đối với hiểu và sử dụng thành ngữ, cũng như về cách các thành ngữ được sử dụng trong giao tiếp hàng ngày và trong văn học, để đem lại cái nhìn phong phú về ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Boers, F., "Cognitive linguistic approaches to teaching vocabulary: Assessment and integration", *Language Teaching*, 46(2)/2013.
2. Csábi, S. (2004), *A cognitive linguistic view of polysemy in English and its implications for teaching*, *Cognitive linguistics, second language acquisition, and foreign language teaching*.
3. Đỗ Thị Hồng Hạnh, "Các thành ngữ tiếng Việt trong góc nhìn văn hóa", *Tạp chí Khoa học Đại học Huế*, 135(5A)/2020.
4. Doughty, C. J., "Cognitive language aptitude", *Language learning*, 69/2019.
5. Lakoff, G., & Johnson, M., "The metaphorical structure of the human conceptual system", *Cognitive science*, 4(2)/19

⁷ Đỗ Thị Hồng Hạnh, "Các thành ngữ tiếng Việt trong góc nhìn văn hóa", *Tạp chí Khoa học Đại học Huế*, 135(5A)/2020, tr.216-223.